

**TÒA ÁN NHÂN D  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Tuấn

*Các Hội thẩm nhân D:* 1/ Ông Nguyễn Bá Long

2/ Bà Ngô Thị Minh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân D huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân D huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1969

Chị Lê Thị H - Sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có ông D xin xét xử vắng mặt; anh T và chị H vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông có quan hệ anh T, chị H là anh em họ. Do có nhu cầu cần tiền để phục vụ gia đình, nên anh T chị H đến nhà ông vay tiền và ông đã đồng ý cho vay 02 lần tiền bao gồm:

Lần 01: Ngày 10/6/2018 (âm lịch) anh T chị H vay số tiền 40.000.000đồng, hạn 01 năm, lãi suất 1,5%/tháng, hẹn trả vào ngày 10/6/2019.

Lần 02: Ngày 23/3/2019, anh T chị H vay tiếp số tiền 20.000.000đồng, lãi xuất 1,5%/tháng, vay không thời hạn khi cần lấy gốc và lãi báo trước 7 đến 10 ngày, nếu sai nộp phạt 10%/tháng.

Cả hai lần vay đều viết giấy vay tiền.

Sau khi nhận tiền anh T chị H không trả cho ông tiền lãi hàng tháng.

Đối với số tiền nợ gốc ông đã đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T vẫn không trả.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh T và chị H phải trả cho ông những khoản sau:

Đối với số tiền gốc 60.000.000đồng phải trả cho ông.

Đối với số tiền lãi ông đề nghị tính lãi xuất cả 02 lần vay là 1,5%/tháng.

Được tính như sau:

Lần 01:  $40.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 39 \text{ tháng (từ ngày 10/6/2018 đến ngày 10/3/2022)} = 23.400.000đ$ ồng.

Lần 02:  $20.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 36 \text{ tháng (từ ngày 23/3/2019 đến ngày 15/3/2022)} = 10.800.000đ$ ồng.

Tổng cộng tiền lãi đến ngày 15/3/2022 là: 34.200.000đồng.

Buộc anh T và chị H phải trả số tiền trên cho ông và tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 của anh Nguyễn Văn T được thể hiện như sau:

Anh với chị H là vợ chồng, quan hệ giữa anh với ông D là anh em họ bên nội.

Vợ chồng anh có vay tiền của ông D 02 lần.

Lần 01: Ngày 10/6/2018 (âm lịch) vay số tiền 40.000.000đồng, lãi xuất 1,5%/tháng, hạn 01 năm trả, cụ thể ngày 10/6/2019 trả cả gốc.

Lần 02: Ngày 23/3/2019, vợ chồng anh vay tiếp số tiền 20.000.000đồng, lãi xuất 1,5%/tháng, vay không thời hạn khi cần lấy gốc và lãi báo trước 7 đến 10 ngày, nếu sai nộp phạt 10%/tháng.

Cả hai lần vay vợ chồng anh đều viết giấy vay tiền.

Hiện nay vợ chồng anh đang còn nợ ông D 60.000.000đồng tiền gốc (chưa trả).

Đối với số tiền lãi đã trả cho ông D được bao nhiêu anh không nhớ.

Nay ông D đòi nợ vợ chồng anh, anh có nguyện vọng sẽ trả số tiền nợ gốc 60.000.000đồng, còn tiền lãi xuất 1,5%/tháng thì anh xin ông D. Việc vay tiền của ông D 60.000.000đ là đúng, nay ông D đòi vợ chồng anh thì vợ chồng anh sẽ trả cho ông D.

Vợ anh là Lê Thị H hiện đang làm ăn xa không về được.

Đối với chị Lê Thị H, Tòa án đã triệu tập nhưng chị không đến làm việc, nên không có ý kiến của chị về việc giải quyết vụ án.

\* Theo chính quyền địa phương là xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H là vợ chồng, có địa chỉ và hiện đang cư trú tại thôn 4, xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn. Việc vay tiền giữa các bên với nhau địa phương không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng D sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000đ và tính lãi xuất 1,5%/tháng cho nguyên đơn và phải chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ông D yêu cầu giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân D huyện Triệu Sơn thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 02/6/2022. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 328 BLTTDS xét xử vắng mặt ông D, anh T và chị H.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

Về số tiền vay nợ gốc:

Lời khai của ông D và lời khai của anh T phù hợp với giấy vay tiền mà ông D cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh T và chị H đã vay của ông D 02 lần tiền bao gồm:

Lần 01: Ngày 10/6/2018 (âm lịch) anh T chị H vay số tiền 40.000.000đồng, hạn 01 năm, lãi xuất 1,5%/tháng, hẹn trả vào ngày 10/6/2019.

Lần 02: Ngày 23/3/2019, anh T chị H vay tiếp số tiền 20.000.000đồng, lãi xuất 1,5%/tháng, vay không thời hạn khi cần lấy gốc và lãi báo trước 7 đến 10 ngày, nếu sai nộp phạt 10%/tháng.

Cả hai lần vay đều viết giấy vay tiền với tổng cộng 60.000.000đ. Từ khi đến ngày hẹn trả tiền gốc và tiền lãi đến nay, anh T và chị H chưa hoàn trả số tiền gốc và lãi cho ông D. Như vậy anh T và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Về số tiền nợ lãi: Theo giấy vay nợ ông D xuất trình và anh T cũng thừa nhận, tiền lãi xuất được tính là 1,5%/tháng. Nay ông D yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng cho đến khi thanh toán xong. Anh T cho rằng số tiền lãi đã trả cho ông D được bao nhiêu anh không nhớ, nhưng ông D khai vợ chồng anh chưa trả, trong giấy vay nợ thể hiện khi thanh toán tiền gốc sẽ trả lãi, nên không có cơ sở thể hiện anh chị đã trả tiền lãi cho ông D.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu tính lãi xuất của ông D là phù hợp vì đối với hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi là từ ngày nhận tiền vay. Được tính như sau:

Lần 01:  $40.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 47 \text{ tháng } 15 \text{ ngày}$  (từ ngày 10/6/2018 âm lịch đến ngày 25/5/2022 âm lịch tức ngày 23/6/2022 dương lịch) = 28.500.000đồng.

Lần 02:  $20.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 39 \text{ tháng}$  (từ ngày 23/3/2019 đến ngày 23/6/2022) = 11.700.000đồng.

Tổng cộng tiền lãi đến ngày 23/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 40.200.000đồng.

Nay ông D yêu cầu anh T và chị H trả số tiền vay gốc là 60.000.000đồng và tiền lãi suất là 40.200.000đồng là phù hợp với các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật D sự. Nên được chấp nhận và buộc anh T và chị H phải trả tổng số tiền vay là 100.200.000đồng, trong đó tiền gốc là 60.000.000đ và tiền lãi là 40.200.000đ.

Tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh T và chị H phải chịu toàn bộ án phí D sự sơ thẩm là: 5.010.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 và Điều 357 Bộ luật D sự; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng D sự; Điều 9, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền nợ đến ngày 23/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 100.200.000đồng (Một trăm triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc 60.000.000đồng, tiền nợ lãi là 40.200.000đồng.

Anh T và chị H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/6/2022 đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi xuất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

**3.** Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí D sự sơ thẩm là: 5.010.000đồng.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

### **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án D sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Ngọc Tuấn**





















